

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---***---

Bản án số: 43/2018/HSST
Ngày: 16/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Hòa và bà Đặng Thị Thêm.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Nhật Lệ – Thư ký tòa án.

Đại diện VKSND huyện Khoái Châu: Bà Lê Thị Chung - KSV.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2018/HSST ngày 20 tháng 07 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXXST-HS ngày 03/8/2018 đối với:

1. Bị cáo: Đào Hồng T, sinh năm 1984. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn P, xã G, huyện V, tỉnh Ninh Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe. Con ông: Đào Đức A và bà Phạm Thị L (Đã chết). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/12/2017 đến ngày 04/01/2018 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Có mặt tại phiên tòa).

2. Người bị hại: Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1959 (Đã chết)
Người đại diện cho người bị hại: Bà Bá Thị D, sinh năm 1962.
Địa chỉ: Thôn E, xã F, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt tại phiên tòa)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1975;
- Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1978;
- Ông Nguyễn Văn Z, sinh năm 1975.
- Bà Phạm Thị N, sinh năm 1983.

Đều trú tại: Thôn U, xã M, huyện YM, tỉnh Hưng Yên.

- Ông Đào Đức A, sinh năm 1945.

Địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện V, tỉnh Ninh Bình.
(Vắng mặt tại phiên tòa)

4. Những người làm chứng:

- Anh Phan Duy Q, sinh năm 1985.
- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971.

Đều trú tại: Thôn J, xã F, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- Ông Tường Duy B, sinh năm 1972.

- Anh Bá Trung S, sinh năm 1982.

Đều trú tại: Thôn E, xã F, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- Ông Lê Ngọc I, sinh năm 1977.

Trú tại: Thôn ĐK, xã VK, huyện R, tỉnh Hưng Yên.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đào Hồng T có giấy phép lái xe ô tô hạng C do Sở giao thông vận tải tỉnh Ninh Bình cấp ngày 13/6/2017. T lái xe thuê cho anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1975, ở thôn U, xã M, huyện YM. Ngày 26/12/2017, T điều khiển xe ô tô biển số 89C - 079.38 của anh X để chở cát từ bến cát xã CT, huyện K về cho công trình xây dựng ở huyện YM. Khoảng 13 giờ 35 phút cùng ngày, T điều khiển xe ô tô đi trên đường 384 hướng từ dốc thôn KT, xã F về hướng ngã tư W, xã PH. Khi đi đến đoạn đường thuộc thôn E, xã F, T điều khiển xe với tốc độ khoảng 60km/h, quan sát thấy phía trước cùng chiều có cột biển báo giao thông hình tam giác màu vàng, bản thân T cũng hiểu đó là biển báo phía trước là đoạn đường nguy hiểm có đường nhánh giao nhau với đường chính mà T đang điều khiển xe ô tô đi, nhưng lúc đó T thấy đường vắng, mặt đường trải nhựa phẳng nên T đã chủ quan nghĩ rằng không xảy ra tai nạn, không giảm tốc độ xe. Ngay khi đi qua biển báo giao thông nêu trên T nhìn thấy có ông Hoàng Văn C, sinh năm 1959 ở thôn E, xã F, huyện K đang điều khiển xe mô tô biển số 89K1 – 090.31 đi từ đường nhánh bên trái, đang rẽ trái để sang làn đường bên phải cùng chiều đi với T cách đầu xe ô tô do T điều khiển khoảng 30m, lúc này ông C đã điều khiển xe mô tô đi sang phần đường bên phải. T thấy ông C điều khiển xe mô tô đi chậm nên khi xe ô tô do T điều khiển cách xe mô tô do ông C điều khiển khoảng 05 mét thì T điều khiển xe vượt xe máy của ông C, nhưng vì T điều khiển xe ô tô với tốc độ nhanh, nên đã không kịp đánh lái để tránh xe đi phía trước cùng chiều nên phần ba đờ sóc phía trước bên phải đầu xe ô tô của T đã đâm vào phía sau xe mô tô của ông C, làm ông C bị ngã xuống đường, bị cuốn vào gầm xe và bị hàng bánh xe phía sau bên phải xe ô tô của T chèn qua người. Hậu quả: ông C bị chết tại chỗ. Ngay sau khi vụ việc xảy ra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi ông Hoàng Văn C; quản lý 01 xe ô tô biển số 89C - 07938, 01 giấy chứng nhận kiểm định ATKT& BVMT số KC 1186486, 01 giấy phép lái xe hạng C số 370098003015 mang tên Đào Hồng T, 01 giấy photocopy có công chứng chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011224, 01 giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Đào Hồng T; 01 xe mô tô biển số 89K1 – 09031, 01 căn cước công dân số 033059001005 mang tên Hoàng Văn C, 01 giấy phép lái xe mang tên Hoàng Văn C, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 007356.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 32/PC 54, ngày 30/12/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên đã kết luận: Nguyên nhân dẫn đến ông Hoàng Văn C bị chết là “*Choáng do da chấn thương, thể loại chết không tự nhiên*”.

Trong quá trình điều tra, T cùng gia đình anh X đã bồi thường cho gia đình ông Hoàng Văn C số tiền 130.000.000 đồng. Đại diện người bị hại là bà Bá Thị Tư (vợ ông C) đã nhận số tiền trên và có đơn xin giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho T.

Cơ quan cảnh sát điều tra cũng đã làm rõ: Chiếc xe ô tô biển số 89C - 079.38 là tài sản thuộc sở hữu của vợ chồng anh X và chị Nguyễn Thị Y ở thôn U, xã M, huyện YM, tỉnh Hưng Yên. Tuy nhiên khi mua xe anh X đã nhờ anh Nguyễn Văn Z sinh năm 1975 ở cùng thôn (là anh ruột của chị Y) đứng tên trên đăng ký xe nhờ anh Z vay vốn kinh doanh. Còn chiếc mô tô biển số 89K1 – 090.31 là tài sản thuộc sở hữu B pháp của ông Hoàng Văn C, xe có đầy đủ giấy tờ B lệ. Cơ quan điều tra cũng đã trả lại xe ô tô và xe mô tô cùng các giấy tờ liên quan cho các chủ sở hữu. Chiếc xe mô tô biển số 89K1 – 090.31 bị hư hỏng không đáng kể nên bà D không yêu cầu đề nghị gì.

Tại bản cáo trạng số 48/CT-VKSKC, ngày 19/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố Đào Hồng T về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa hôm nay:

[1] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo T và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Đề nghị áp dụng khoản 1, 5 Điều 202; Điều 36; điểm b,p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; khoản 1,2 Điều 60; khoản 2 Điều 41, khoản 2 Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 357, Điều 584, Điều 585 và Điều 591 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo T 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/8/2018); Áp dụng hình phạt bổ sung cấm hành nghề lái xe từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực đối với bị cáo T. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T về việc bị cáo bồi thường thêm cho gia đình bị hại số tiền 30.000.000đ vào ngày (26/12/2018).

Trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe số 370098003015, ngày 13/6/2017 mang tên Đào Hồng T nhưng cho bảo thủ tại hồ sơ vụ án cho đến khi bị cáo chấp hành xong hình phạt bổ sung.

[2] Bị cáo T nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo cũng thừa nhận nguyên nhân gây tai nạn là do bị cáo chủ quan, điều khiển xe tham gia giao thông nhưng không giảm tốc độ khi có biển báo nguy hiểm

chứ không phải do các thiết bị trên xe không đảm bảo an toàn. Vì trước khi nhận xe từ anh X thì bị cáo đã kiểm tra lại hệ thống phanh, đèn, còi, lốp...an toàn thì bị cáo mới điều khiển xe tham gia giao thông. Lời nói sau cùng, bị cáo xin lỗi gia đình bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức án thấp nhất, cho bị cáo cải tạo tại địa phương để bị cáo có điều kiện lao động giúp đỡ gia đình, trở thành người có ích cho gia đình, xã hội.

[3] Đại diện cho người bị hại: Bà Bá Thị D trình bày quan điểm:

- Về trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bà đã có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo T vì bị cáo T và gia đình có hứa sẽ đi lại động viên gia đình bà nhưng sau đó vì bị cáo và gia đình không giữ lời hứa đi lại tình cảm với gia đình bà nên tại phiên tòa hôm nay bà thay đổi quan điểm, theo đó bà Tư đề nghị chỉ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo một phần.

- Về trách nhiệm dân sự:

Bà Tư thừa nhận bị cáo T đã bồi thường cho gia đình bà D 130 triệu đồng và phúng viếng chồng bà 10 triệu đồng. Tổng số tiền mà bị cáo T đã bồi thường và phúng viếng chồng bà là 140 triệu đồng. Khi bồi thường số tiền trên cho bà thì bị cáo T và gia đình bị cáo T có hứa sẽ đi lại với gia đình bà và phụ thêm một phần chi phí nữa cho bà nên bà đã không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường thêm về trách nhiệm dân sự. Nhưng sau đó thì bà không thấy bị cáo T và gia đình có ý kiến gì và cũng không đi lại thăm hỏi gì gia đình bà nữa. Do vậy, bà D đã có lời khai với cơ quan điều tra thay đổi quan điểm. Theo đó, bà D yêu cầu bị cáo T tiếp tục bồi thường tổn thất về tinh thần cho gia đình bà. Tuy nhiên, đến giai đoạn chuẩn bị xét xử thì bà D lại không yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường về trách nhiệm dân sự. Nhưng, tại phiên tòa hôm nay thì bà D lại thay đổi quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo tiếp tục bồi thường tổn thất về tinh thần cho gia đình bà nhưng số tiền bồi thường là do lương tâm bị cáo chứ bà không đưa ra một con số cụ thể.

[4] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn Z, bà Phạm Thị N, ông Đào Đức A và những người làm chứng: Anh Phan Duy Q, ông Nguyễn Văn H, ông Tường Duy B, anh Bá Trung S, ông Lê Ngọc I đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên trong hồ sơ vụ án, họ đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt của họ tại phiên tòa hôm nay, không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (BLTTHS năm 2015) vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc áp dụng pháp luật: Mặc dù, Bộ Luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 (Được gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015) đã có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện, bị khởi tố, điều tra, truy tố trước 00 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm

2018. Đồng thời, so sánh quy định về hình phạt tại Điều 202 BLHS năm 1999 với điều luật tương ứng (Điều 260 của BLHS năm 2015) thì thấy rằng quy định về hình phạt tối đa tại các điều luật này là như nhau, tuy nhiên mức hình phạt khởi điểm quy định tại Điều 202 BLHS năm 1999 thấp hơn so với mức hình phạt khởi điểm quy định tại Điều 260 của BLHS năm 2015. Do đó, căn cứ Công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/01/2018 về hiệu lực thi hành của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 của Tòa án nhân dân tối cao và khoản 1 Điều 7- BLHS năm 2015 thì trường B này vẫn áp dụng quy định của BLHS năm 1999.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù B với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận: Khi đi đến đoạn đường thuộc thôn E, xã F, T điều khiển xe với tốc độ khoảng 60km/h, quan sát thấy phía trước cùng chiều có cột biển báo giao thông hình tam giác màu vàng, bản thân T cũng hiểu đó là biển báo phía trước là đoạn đường nguy hiểm có đường nhánh giao nhau với đường chính mà T đang điều khiển xe ô tô đi, nhưng lúc đó T thấy đường vắng, mặt đường trải nhựa phẳng nên T đã chủ quan nghĩ rằng không xảy ra tai nạn, không giảm tốc độ xe khi đi qua khu vực có biển báo hiệu nguy hiểm giao nhau với đường nhánh nên xe ô tô do T điều khiển đã đâm vào xe mô tô biển số 89K1 - 090.31 do ông Hoàng Văn C điều khiển đi phía trước cùng chiều. Hậu quả ông C bị ngã xuống đường, bị hàng bánh xe phía sau bên phải xe ô tô chèn qua người và chết tại chỗ. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù B với: biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi, biên bản khám nghiệm xe mô tô, biên bản khám nghiệm xe ô tô, kết luận của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên; Lời khai của Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Y, ông Đào Đức A và lời khai của những người làm chứng: anh Phan Duy Q, ông Nguyễn Văn H, ông Tường Duy B, anh Bá Trung S, ông Lê Ngọc I.

Mặc dù bị cáo T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã được cấp giấy phép lái xe hạng C, số 370098003015, ngày 13/6/2017. Nhưng trong lúc điều khiển phương tiện là nguồn nguy hiểm cao độ do chủ quan, không tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường, không giữ một khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình, không chấp hành biển báo hiệu giao thông đường bộ đã gây hậu quả nghiêm trọng, tước đi tính mạng của ông Hoàng Văn C, gây ra sự đau thương mất mát không gì bù đắp được cho gia đình người bị hại, lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo T. Hành vi của bị cáo đã vi phạm 1 Điều 12 của Luật giao thông

đường bộ và khoản 1 Điều 5 thông tư số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ giao thông vận tải. Tại khoản 1 Điều 12 của Luật giao thông đường bộ có quy định “Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường và phải giữ một khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình.”; Tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ giao thông vận tải có quy định: “Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép (có thể dừng lại một cách an toàn) trong các trường B có biển cảnh báo nguy hiểm ...”. Do đó bị cáo T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu truy tố về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại khoản 1 Điều 202 của BLHS năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, cần phải xử lý bằng biện pháp hình sự mới có tác dụng giáo dục, răn đe người khác và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Đối với chủ phương tiện ô tô BKS 89 C-079.38: Quá trình điều tra đã xác định giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của chiếc xe ô tô tải tự đồ BKS 89 C-079.38 đã hết hạn sử dụng trên một tháng. Tuy nhiên nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông đường bộ là do lái xe Đào Hồng T không chấp hành luật giao thông đường bộ và Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ giao thông vận tải là nguyên nhân trực tiếp gây ra tai nạn, hậu quả làm thiệt hại tính mạng của ông Hoàng Văn C, chứ không liên quan đến điều kiện, an toàn kỹ thuật của phương tiện trong vụ án. Do đó hành vi của anh Nguyễn Văn X đã bị Công an huyện Khoái Châu có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00023/BB-VPHC, ngày 28/12/2017 là đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi vi phạm của mình; Sau tai nạn bị cáo đã tích cực bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả xảy ra, đã phối hợp cùng gia đình thăm hỏi, động viên, hương khói cho người bị hại; Sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú tại Công an huyện Khoái Châu; Bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa phương được UBND xã G, huyện V, tỉnh Ninh Bình xác nhận; Bị cáo là ông Đào Đức A là bệnh binh đã có thành tích trong chiến đấu được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba, Huy hiệu năm mươi năm tuổi đảng; Đại diện cho bị hại xin giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 (4 tiết) Điều 46 của BLHS năm 1999 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[6] Xét về nhân thân: Bị cáo T có nhân thân tốt, là người lao động nhất thời phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự; ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật của nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân,

có nơi thường trú, cụ thể rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999.

Từ những nhận định, phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo và giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đảm bảo được tính nghiêm minh, đủ để răn đe cải tạo bị cáo thành công dân có ích.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo phạm tội khi đang hành nghề lái xe, hành vi vi phạm các quy định về điều khiển giao thông đường bộ của bị cáo là lỗi vô ý do chủ quan, cầu thả, bản thân bị cáo lại là người trực tiếp chứng kiến toàn bộ quá trình xảy ra tai nạn dẫn đến việc tinh thần hoảng loạn. Nên nếu để bị cáo T tiếp tục hành nghề lái xe có thể gây nguy hại cho xã hội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 36 và khoản 5 Điều 202 của BLHS năm 1999, cấm bị cáo T hành nghề lái xe thời hạn là 01 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay đại diện cho bị hại là bà Bá Thị Tư và bị cáo Đào Hồng T đã thỏa thuận được với nhau về trách nhiệm dân sự. Theo đó, bị cáo T tự nguyện bồi thường thêm cho gia đình bị hại số tiền 30.000.000đ vào ngày tròn một năm kể từ ngày xảy ra tai nạn (26/12/2018) và được bà D đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của người bị hại tại phiên tòa hôm nay là sự tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 584, Điều 585 và Điều 591 của BLDS năm 2015 và đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày đến hạn bồi thường (26/12/2018) bà D có đơn thi hành án hợp pháp nếu bị cáo T chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của BLDS năm 2015.

[9] Về vật chứng trong vụ án:

Quá trình điều tra cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả chiếc xe ô tô tải tự đồ nhãn hiệu Cửu Long, BKS 89 C-079.38 cùng các giấy tờ liên quan đến xe ô tô cho chị Nguyễn Thị Y và trao trả chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS 89K1-090.31 cùng giấy tờ liên quan đến xe và ông C cho bà Bá Thị D là đúng pháp luật.

- Đối với 01 giấy phép lái xe hạng C số 370098003015, cấp ngày 13/6/2017 mang tên Đào Hồng T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tuyên trả lại cho bị cáo nhưng tạm quản lý tại hồ sơ vụ án trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt bổ sung.

Từ những nhận định, phân tích nêu trên Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu tại phiên tòa là có căn cứ, phù B với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án và khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015. Buộc bị cáo T phải chịu án phí HSST là 200.000đ và án phí TNDS theo giá ngạch là 30.000.000đ x 5% = 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

1. Tuyên bố: Bị cáo Đào Hồng T phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

2. Áp dụng: Khoản 1, 5 Điều 202; Điều 36; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; khoản 1,2 Điều 60 của BLHS năm 1999; khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Xử phạt: Bị cáo Đào Hồng T 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (Ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/8/2018).

Giao bị cáo Đào Hồng T cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện khai báo theo khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

4. Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo T hành nghề lái xe 01 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 357; Điều 584; Điều 585 và Điều 591 của Bộ luật dân sự năm 2015 (BLDS) và khoản 1 Điều 42 của BLHS năm 1999.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Đào Hồng T và đại diện B pháp của người bị hại là bà Bá Thị D. Bị cáo T phải tiếp tục bồi thường cho bà Bá Thị D, sinh năm 1962 trú tại thôn E, xã F, huyện K, tỉnh Hưng Yên số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn) vào ngày 26/12/2018.

Kể từ ngày đến hạn bồi thường (26/12/2018) bà D có đơn yêu cầu thi hành án B pháp nếu bị cáo T chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm bồi thường.

6. Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 41 của BLHS năm 1999, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho Đào Hồng T 01 giấy phép lái xe số 370098003015, ngày 13/6/2017 mang tên Đào Hồng T nhưng tạm quản lý tại hồ sơ vụ án trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt bổ sung.

7. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015.

Buộc bị cáo T phải chịu án phí HSST là 200.000đ và 1.500.000đ án phí trách nhiệm dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Báo cho bị cáo, đại diện cho bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/8/2018). Báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện K/C;
- VKSND tỉnh HY;
- CA huyện KC;
- Bị cáo; Đại diện bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Phòng GDKT - TAND tỉnh HY;
- Chi cục THA huyện K/C;
- UBND xã G;
- Lưu HSYA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hương